TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BA ĐỒN** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 9 - 2023
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tưởng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Thanh Diện
2. Bà Trần Thị Ngọc Lan

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Ngô Thục Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Thái - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2023/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2023 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị P, sinh năm: 1978;

Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Sỹ H, sinh năm: 1974;

Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 10 tháng 7 năm 2023, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn, chị Vũ Thị P trình bày: Chị và anh Nguyễn Sỹ H có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q (nay là thị xã B), tỉnh Quảng Bình, vào ngày 06/01/1997. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được 02 năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nên thường xuyên xảy ra xung đột. Vì vậy, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2000 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên kiên quyết xin được ly hôn với

anh Nguyễn Sỹ H để ổn định cuộc sống của bản thân

- Về con chung và tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung; không có tài sản chung, không nợ gì của ai, không ai nợ gì vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng gồm: thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập cho anh H nhưng anh H không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Kết quả xác minh tại Uỷ ban nhân dân xã Q cho thấy: UBND xã Q đã tống đạt đầy đủ các văn bản, giấy tờ của Tòa án cho anh H, tuy nhiên anh H không đến Tòa án theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án để làm việc.

Ngày 25/8/2023, Toà án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập chị P, anh H đến phiên toà vào ngày 14/9/2023, nhưng anh H vắng mặt không có lý do nên Toà án phải hoãn phiên toà. Ngày 21/9/2023, Toà án mở phiên toà lần hai, tiếp tục triệu tập các bên đương sự đến tham gia phiên toà nhưng anh H vẫn vắng mặt.

Qua xác minh tại Uỷ ban nhân dân xã Q: Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà, các giấy triệu tập đến phiên toà của Toà án đã được cán bộ của Ủy ban đến trực tiếp nhà anh H để tống đạt văn bản trên nhưng tại thời điểm tống đạt anh H đi làm, không có ở nhà nên cán bộ Ủy ban đã giao cho chị gái của anh H là bà Nguyễn Thị N. Theo thông tin bà N cung cấp thì bà N đã nhận được các văn bản của Tòa án gửi cho anh H, sau khi nhận được các văn bản trên bà đã thông báo cho anh H biết về việc Tòa án triệu tập để giải quyết việc ly hôn, nhưng anh H vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa chị P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thay đổi hay bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình không có gì sai phạm, bị đơn trong quá trình giaỉ quyết vụ án không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vũ Thị P

+ Xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Sỹ H

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị P được ly hôn anh Nguyễn Sỹ H;

+ Về con chung và tài sản chung: Không xem xét

+ Về án phí: Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Toà án ngày 30/12/2016, chị Phương phải nộp tiền án phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Chị Vũ Thị P có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Sỹ H. Hiện tại anh H đang có hộ khẩu thường trú tại: Thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Sỹ H. Anh H đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Sỹ H

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Vũ Thị P và anh Nguyễn Sỹ H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Tuy nhiên, quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh H đã xảy ra mâu thuẫn, tình cảm, quan hệ vợ chồng, cuộc sống chung giữa hai bên không còn, hiện tại chị P và anh H đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ sống chung của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P, xử cho chị P được ly hôn anh H là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung và tài sản chung:

Quá trình chung sống chị P và anh H không có con chung, không có tài sản chung, nơ chung nên không xem xét.

[4] Về án phí:

Chị Vũ Thị P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Sỹ H

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, chị Vũ Thị P. Xử cho chị Vũ Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Sỹ H

3. Về quan hệ con chung và tài sản chung: Không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Vũ Thị P chịu trách nhiệm nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003632 ngày 24 tháng 7 năm 2023. Chị P đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án